HNUE JOURNAL OF SCIENCE DOI: 10.18173/2354-1075.2018-0065
Educational Sciences, 2018, Volume 63, Issue 5, pp. 93-102
This paper is available online at http://stdb.hnue.edu.vn

THIẾT KẾ MỘT SỐ CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ CỦA HỌC SINH TRONG DẠY HỌC MÔN ĐỊA LÍ LỚP 10 TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

Đào Thị Bích Ngọc
Khoa Sử - Địa, Trường Đại học Tây Bắc

Tóm tắt. Kiểm tra, đánh giá là một thành phần quan trọng của quá trình dạy học, có tác động lớn đến việc nâng cao chất lượng dạy học. Việc kiểm tra, đánh giá khách quan, nghiêm túc, đúng hướng sẽ là động lực mạnh mẽ khích lệ sự vươn lên của học sinh trong học tập. Bài viết tập trung vào 3 vấn đề chính: 1. Năng lực giải quyết vấn đề của học sinh trong học tập địa lí; 2. Các tiêu chí đánh giá năng lực giải quyết vấn đề của học sinh trong dạy học địa lí lớp 10; 3. Các công cụ đánh giá năng lực giải quyết vấn đề của học sinh trong dạy học Địa lí 10 THPT.

Từ khóa: Công cụ đánh giá, năng lực giải quyết vấn đề, dạy học Địa lí lớp 10.

1. Mở đầu

Năng lực giải quyết vấn đề (NL GQVĐ) là một năng lực chung của giáo dục phổ thông nhưng đồngthời cũng là một năng lực đặc thù của môn Địa lí.

Trên thế giới gần đây đã có một số tổ chức quan tâm đến đánh giá NL GQVĐ. Năm 2003, tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế (OECD) đã thực hiện chương trình đánh giá học sinh (HS) phổ thông quốc tế PISA [1], tiến hành với HS ở lứa tuổi 15, không kiểm tra trực tiếp nội dung chương trình học mà tập trung đánh giá năng lực vận dụng kiến thức đã học vào giải quyết các tình huống đặt ra trong thực tiễn. Trên cơ sở mô hình giải toán của G. Polya [2], cục đánh giá học sinh của các trường công lập tại chicago, Hoa Kỳ (1987) đã thiết lập thang đo NL GQVĐ [3]. Sử dụng mô hình thuyết đáp ứng câu hỏi đa chiều (IRT), tác giả M.Wu [4] đã thiết kế khung đánh giá NL GQVĐ của học sinh. Năm 2011 các tác giả T.L.Toh, K.S Quek, Y.H.Leong, J.Dindyal, E.G Tay đã xây dựng thang đo dùng để đánh giá NL GQVĐ, chấm điểm NL GQVĐ [5]. Năm 2013, Dự án đánh giá và giảng dạy các kĩ năng của thế kỷ 21 ATC21S [6] (Assessing and teaching of 21s Century Skill) đã xây dựng chuẩn đánh giá năng lực và đường phát triển NL GQVĐ mang tính hợp tác.

Ở Việt Nam, đã có một số tác giả quan tâm nghiên cứu về đánh giá NL GQVĐ. Tác giả Nguyễn Thị Lan Phương [7] dựa vào cấu trúc của NL GQVĐ đã xây dựng chuẩn đánh giá NL GQVĐ và đường phát triển NL GQVĐ. Tác giả Phan Anh Tài [8] đã đưa ra 3 công cụ đánh giá NL GQVĐ của HS trong dạy học toán ở THPT đó là thang đánh giá NL GQVĐ, các bài toán và các công cụ hỗ trợ khác. Tác giả Nguyễn Thị Tuyết Nga, Nguyễn Hồng Liên [9] đã nghiên cứu về ĐG NL GQVĐ của HS trong dạy học Lịch sử và Địa lí ở tiểu học. Tác giả Nhữ Thị Hoa [10] đã nghiên cứu về đánh giá NL GQVĐ, Tác giả Chu Văn Tiềm, Đào Việt Anh [11] đã đưa ra các biểu hiện và công cụ đánh giá NL GQVĐ của HS trong dạy học tích hợp. Tác giả Nguyễn Thị Phương Thúy đưa ra công cụ đánh giá NL GQVĐ của HS khi thực hiện dự án [12]…

Ngày nhận bài: 19/2/2018. Ngày sửa bài: 19/4/2018. Ngày nhận đăng: 20/4/2018.
Tác giả liên hệ: Đào Thị Bích Ngọc. Địa chỉ e-mail: daongoctbu@gmail.com

Trong các nghiên cứu trên, các tác giả đã xác định khái niệm NL GQVĐ, xây dựng các chuẩn đánh giá NL GQVĐ và 1 số công cụ đánh giá NL GQVĐ. Tuy nhiên, chưa có công trình nào đề cập đến việc đánh giá NL GQVĐ trong dạy học Địa lí.

Thực tiễn giảng dạy cùng với quá trình điều tra – khảo sát cho thấy việc kiểm tra – đánh giá (KT – ĐG) kết quả học tập của học sinh ở THPT hiện nay nói chung và môn Địa lí nói riêng chưa đảm bảo thực sự khách quan, chính xác và công bằng; việc KT chủ yếu chú trọng đến nhiều việc tái hiện kiến thức, thực hiện kĩ năng và đánh giá bằng điểm số còn việc vận dụng kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề gắn với thực tiễn cuộc sống thì còn rất hạn chế.

Bằng các phương pháp nghiên cứu lí thuyết và vận dụng trong thực tiễn giảng dạy ở phổ thông tác giả sẽ trình bày về NL GQVĐ của HS và công cụ đánh giá NL GQVĐ của HS trong dạy học Địa lí lớp 10 THPT.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Năng lực giải quyết vấn đề của học sinh trong học tập Địa lí

2.1.1. Khái niệm năng lực giải quyết vấn đề

Theo PISA 2012 "*GQVĐ là năng lực của một cá nhân tham gia vào quá trình nhận thức để hiểu và giải quyết các tình huống có vấn đề mà phương pháp của giải pháp đó không phải ngay lập tức nhìn thấy rõ ràng. Nó bao gồm sự sẵn sàng tham gia vào các tình huống tương tự để đạt được tiềm năng của mình như một công dân có tính xây dựng và biết suy nghĩ*".[13]

Dưới góc độ nghiên cứu của mình, chúng tôi đề xuất khái niệm NL GQVĐ như sau:

NL GQVĐ là khả năng cá nhân vận dụng những hiểu biết và cảm xúc để phát hiện vấn đề, đề xuất giả thuyết và tìm ra giải pháp, tiến hành GQVĐ một cách hiệu quả, tự đánh giá và điều chỉnh quá trình GQVĐ. Trong dạy học địa lí, học sinh có NL GQVĐ khi các em biết sử dụng kiến thức và kĩ năng của môn Địa lí một cách tự tin vào giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực học tập trong nhà trường và các vấn đề trong cuộc sống.

2.1.2. Cấu trúc của năng lực giải quyết vấn đề

Hội thảo xây dựng chương trình giáo dục phổ thông theo định hướng phát triển năng lực của Bộ Giáo dục và Đào tạo [14] đã xác định cấu trúc của NL GQVĐ bao gồm 4 kĩ năng thành tố: Tìm hiểu vấn đề, thiết lập không gian vấn đề, lập kế hoạch và thực hiện giải pháp, đánh giá giải pháp và rút ra kết luận. Mỗi năng lực thành tố sẽ bao gồm các chỉ số hành vi khác nhau.

Từ cấu trúc chung của NL GQVĐ, vận dụng vào trong bộ môn Địa lí lớp 10 THPT, chúng tôi đề xuất cấu trúc của NL GQVĐ của HS trong học tập địa lí bao gồm những năng lực thành tố sau:

STT	Năng lực thành tố	Chỉ số hành vi
1	**Tìm hiểu vấn đề**	- Phân tích, làm rõ nội dung của vấn đề.
		- Nhận ra mâu thuẫn giữa vấn đề mới nảy sinh với kiến thức đã học.
		- Phát hiện rõ ràng vấn đề cần giải quyết (Phát biểu vấn đề thành câu hỏi, bài tập).
2	**Đề xuất giả thuyết GQVĐ**	- Xác định được phạm vi kiến thức cần huy động để GQVĐ
		- Đề xuất được giải thuyết GQVĐ
		- Xác định được giả thuyết phù hợp nhất GQVĐ.
3	**Lập kế hoạch và thực hiện giải pháp**	- Lập kế hoạch GQVĐ
		- Thực hiện kế hoạch GQVĐ 1 cách độc lập, sáng tạo.
		- Giải thích làm rõ nguyên nhân của vấn đề, rút ra kết luận về nguyên nhân của vấn đề.
4	**Đánh giá giải pháp và rút ra kết luận**	- Biết đánh giá giải pháp đã thực hiện
		Khái quát hóa vấn đề thành kiến thức mới
		Kết luận vấn đề (khẳng định hay bác bỏ giả thuyết, phát biểu kết luận)

2.1.3. Biểu hiện của NL GQVĐ của học sinh trong học tập Địa lí

Từ khái niệm, cấu trúc của NL GQVĐ và thực tiễn DH môn Địa lí ở trường THPT, tác giả xác định 10 biểu hiện chính của NL GQVĐ trong DH Địa lí lớp 10 như sau:

- Phân tích làm rõ được nội dung của vấn đề.
- Xác định được mâu thuẫn giữa vấn đề mới nảy sinh với kiến thức đã học.
- Phát biểu (đề xuất) vấn đề thành câu hỏi, xác định rõ vấn đề cần giải quyết.
- Xác định được phạm vi kiến thức cần huy động để GQVĐ.
- Đề xuất được các giả thuyết GQVĐ cho vấn đề đặt ra.
- Xác định được giả thuyết phù hợp nhất để GQVĐ.
- Lập được kế hoạch (chiến lược) GQVĐ.
- Thực hiện được kế hoạch đã đề ra theo phương án đã lựa chọn một cách hiệu quả với sự nỗ lực của cá nhân và sự hợp tác theo nhóm.
- Tổng hợp, khái quát vấn đề để rút ra kiến thức mới của bài học.
- Biết kết luận vấn đề (khẳng định hay bác bỏ giả thuyết, phát biểu kết luận)

2.2. Thiết kế công cụ đánh giá NL GQVĐ của học sinh trong DH Địa lí lớp 10 THPT

2.2.1. Cơ sở để thiết kế bộ công cụ đánh giá NL GQVĐ

Bộ công cụ đánh giá NL GQVĐ cần thể hiện ở sự đa dạng, gắn với đặc thù của khoa học Địa lí đồng thời đánh giá được các tiêu chí NL GQVĐ. Ngoài các bài kiểm tra viết để đánh giá kiến thức kĩ năng chúng tôi thiết kế một số công cụ như bảng kiểm quan sát, phiếu hỏi GV, HS, phiếu tự đánh giá, phiếu đánh giá đồng đẳng, phiếu đánh giá sản phẩm…

Việc thiết kế bộ công cụ đánh giá NL GQVĐ của HS cần dựa vào khái niệm, cấu trúc, các tiêu chí và các mức độ thể hiện NL GQVĐ của HS trong học tập Địa lí lớp 10 THPT.

2.2.2. Xác định tiêu chí và mức độ đánh giá NL GQVĐ trong học tập Địa lí của học sinh

Từ cấu trúc và biểu hiện của NL GQVĐ đã xác định ở trên, tác giả đã xác định các tiêu chí và mức độ đánh giá NL GQVĐ được trình bày trong bảng sau.

Khi xây dựng thang đo mức độ đạt được của NL GQVĐ, chúng tôi dựa vào yêu cầu đạt được của mỗi kĩ năng, xây dựng các tiêu chí, xác định mức độ đạt được của mỗi KN trong NL GQVĐ qua rèn luyện, chúng tôi chia cấp độ thành thạo của mỗi kĩ năng trong NL thành tố thành 3 mức:

Mức 1: Chưa đạt: 0 - 4 điểm. HS không có NL GQVĐ hoặc có nhưng yếu.

Mức 2: Đạt:5-7 điểm. HS có NL GQVĐ trung bình.

Mức 3: Tốt: 8 - 10 điểm. HS có NL GQVĐ tốt.

Tiêu chí	Mức 1 – Chưa đạt	Mức 2 – Đạt	Mức 3 – Tốt
1. Phân tích làm rõ nội dung của vấn đề.	Chưa phân tích làm rõ được nội dung của vấn đề.	Phân tích làm rõ được nội dung của vấn đề nhưng chưa đầy đủ, rõ ràng.	Phân tích được chính xác nội dung của vấn đề.
2. Xác định được mâu thuẫn của vấn đề mới nảy sinh với kiến thức đã họ	Chưa xác định được mâu thuẫn của vấn đề mới nảy sinh với kiến thức đã được học.	Xác định được mâu thuẫn của vấn đề mới nảy sinh với kiến thức đã học nhưng chưa đầy đủ, rõ ràng.	Xác định được mâu thuẫn của vấn đề mới nảy sinh với kiến thức đã học.
3. Phát biểu VĐ thành câu hỏi, xác định rõ VĐ cần giải quyết	Không đưa ra được câu hỏi hoặc đưa ra nhưng chưa đầy đủ, chưa xác định được rõ VĐ then chốt cần giải quyết.	Đưa ra được câu hỏi định hướng GQVĐ, chưa xác định rõ được VĐ cần giải quyết.	Đưa ra được câu hỏi định hướng GQVĐ, xác định rõ VĐ then chốt cần giải quyết.
4. Xác định được các mối liên hệ	Chưa xác định được hoặc xác định nhưng chưa đầy đủ các MLH. Thu thập, lựa chọn các thông tin liên quan chưa đầy đủ, chưa phù hợp với VĐ cần giải quyết.	Xác định được các MLH tương đối đầy đủ, tìm kiếm các thông tin liên quan đày đủ nhưng chưa phong phú, tương đối phù hợp với VĐ cần giải quyết.	Xác định đầy đủ các MLH. Thu thập, lựa chọn các thông tin liên quan đầy đủ, phong phú, phù hợp với VĐ cần giải quyết.
5. Đề xuất được các giả thuyết cho vấn đề đặt ra	Chưa đề xuất được các giả thuyết cho vấn đề đặt ra.	Đề xuất được các giả thuyết GQVĐ nhưng chưa thật sự phù hợp.	Đề xuất được các giả thuyết GQVĐ phù hợp với vấn đề đặt ra.
6. Xác định được giả thuyết tối ưu nhất	Không xác định được giả thuyết GQVĐ.	Xác định được giả thuyết GQVĐ nhưng chưa phải là tối ưu nhất.	Xác định được giả thuyết tối ưu GQVĐ.
7. Lập kế hoạch GQVĐ	Chưa lập được lập được kế hoạch GQVĐ.	Lập được kế hoạch GQVĐ đặt ra nhưng chưa đầy đủ các điều kiện để GQVĐ.	Lập được kế hoạch GQVĐ đầy đủ, chi tiết, đảm bảo giải quyết được VĐ đặt ra.

8. Thực hiện kế hoạch GQVĐ	Thực hiện kế hoạch, hoàn thành nhiệm vụ nhưng cần phải có sự hỗ trợ rất nhiều từ các thành viên trong nhóm.	Thực hiện được kế hoạch, hoàn thành nhiệm vụ nhưng còn lúng túng trong việc phối hợp với các thành viên theo nhóm.	Thực hiện đúng kế hoạch, hoàn thành nhiệm vụ được giao 1 cách độc lập cá nhân và hợp tác theo nhóm sáng tạo, hiệu quả.
9. Biết khái quát vấn đề để rút ra kiến thức mới của bài học	Chưa khái quát và rút ra được kiến thức mới cho bài học.	Rút ra được một vài đơn vị kiến thức mới nhưng chưa đầy đủ.	Khái quát đầy đủ, chính xác, nội dung kiến thức mới.
10. Kết luận vấn đề.	Khẳng định hay bác bỏ giả thuyết không đúng với vấn đề đặt ra	Khẳng định hay bác bỏ giả thuyết đúng với vấn đề đặt ra nhưng chưa phát biểu được kết luận.	Khẳng định hay bác bỏ giả thuyết đúng với vấn đề đặt ra và phát biểu được chính xác kết luận vấn đề

2.2.3. Thiết kế một số công cụ đánh giá năng lực GQVĐ của học sinh trong dạy học Địa lí.

**** Bảng kiểm quan sát.***

Năng lực GQVĐ của HS được bộc lộ trong quá trình hoạt động. Bảng kiểm quan sát được dùng trong phương pháp quan sát quá trình GQVĐ của HS. Đây là công cụ giúp cho GV quan sát có chủ đích các tiêu chí trong thang đánh giá NLGQVĐ để xử lí thông tin, đánh giá NL GQVĐ của HS.

PHIẾU QUAN SÁT NĂNG LỰC GQVĐ CỦA HỌC SINH

Ngày…. Thứ ……..
Tên bài học:…….
Họ và tên HS:……
Người quan sát: …….

Năng lực thành tố	Tiêu chí	M1 0 - 4	M2 5 - 7	M3 8 -10
1. Tìm hiểu VĐ	Biết phát hiện mâu thuẫn của vấn đề			
	Biết phát hiện rõ ràng vẫn đề cần giải quyết			
2. Đề xuất các giả thuyết cho vấn đề đặt ra	Biết thu thập các thông tin lên quan (xác định các MLH)			
	Đề xuất được giả thuyết khoa học khác nhau			
	Xác định được chiến lược GQVĐ			
3. Lập kế hoạch GQVĐ và thực hiện GQVĐ	Biết cách phân tích để lựa chọn ra các giả thiết hợp lí để GQĐ			
	Thực hiện kế hoạch GQVĐ 1 cách độc lập, sáng tạo			
4. Đánh giá giải pháp và kết luận VĐ	Biết đánh giá giải pháp đã thực hiện			
	Biết khái quát hóa vấn đề thành kiến thức, kinh nghiệm			
	Biết kết luận vấn đề (khẳng định hay bác bỏ giả thuyết, phát biểu kết luận)			

Ngoài quan sát cá nhân trong các giờ học Địa lí rất nhiều vấn đề GV tổ chức cho HS làm việc theo nhóm để đánh giá NL GQVĐ của HS trong nhóm. Quan sát thái độ làm việc, những câu hỏi, câu trả lời, nội dung và cách diễn đạt của các cá nhân HS, sự trao đổi, phối hợp giữa các thành viên và nghiên cứu sản phẩm, lắng nghe đại diện HS của nhóm trình bày sản phẩm; GV ghi kết quả mức độ năng lực của HS trong nhóm vào bảng kiểm quan sát hoạt động nhóm.

BẢNG KIỂM QUAN SÁT HỌC SINH HOẠT ĐỘNG NHÓM
ĐÁNH GIÁ NL GQVĐ CỦA HS TRONG DH ĐỊA LÍ 10 THPT

Quan sát có chủ định: ☐ Quan sát ngẫu nhiên: ☐

Nhóm học tập: ….……, Lớp:……. …, GV quan sát:……

Tiết:…, Ngày:…… Bài:……

Giáo viên đánh giá - xếp loại: T: 8-10 ; K:5 – 7; TB – Y: 0 - 4

TT	Họ và tên	Mức độ NL GQVĐ đạt được				
		Phát hiện VĐ	***Đề xuất các giả thuyết cho VĐ***	***Lập KH và tiến hành GQVĐ***	***Đánh giá giải pháp và KL***	***Xếp loại***
1	*Nguyễn Hải An*					
….						
6	*Vũ Tuệ Minh*					

**** Thiết kế phiếu đánh giá từng năng lực thành tố của NL GQVĐ***

Đây là công cụ mà GV dùng để đánh giá các thành tố của NL GQVĐ: phát hiện VĐ, thiết lập không gian VĐ, lập kế hoạch và thực hiện giải pháp, đánh giá giải pháp và rút ra kết luận. Phiếu đánh giá từng NL thành tốcủa NL GQVĐ được GV chuẩn bị trước. HS trình bày sản phẩm GQVĐ theo yêu cầu của GV trong phiếu đánh giá. Qua các lần đánh giá các NL thành tố của NL GQVĐ, GV tổng hợp kết quả lại để đánh giá NL GQVĐ của HS trong một giai đoạn học tập (tiết, chương, giữa HK, cuối HK, cuối năm). Đánh giá từng thành tố của NL GQVĐ có thể tiến hành đối với cả lớp hoặc một nhóm HS hoặc một số cá nhân của lớp.

PHIẾU ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC PHÁT HIỆN VẤN ĐỀ
CỦA HỌC SINH TRONG DH ĐỊA LÍ LỚP 10

Họ và tên học sinh: Đinh Nhật Hồng Lớp: 10A1	Đánh giá của GV **M3**: Hiểu đúng vấn đề

**** Thiết kế bảng kiểm đánh giá NL GQVĐ***

- *Bảng kiểm tự đánh giá NL GQVĐ*

Đây là 1 công cụ để HS tự đánh giá NL GQVĐ của mình thông qua việc đối chiếu sản phẩm GQVĐ với các tiêu chí trong thang đánh giá NL để nhận biết và đánh giá được một số yếu tố của NL GQVĐ của bản thân. Kết quả đánh giá của HS được ghi trong bảng kiểm tự đánh giá. Qua kết quả đánh giá mà HS thấy được sự nỗ lực, tiến bộ và phát hiện điểm còn yếu của mình.

BẢNG KIỂM TỰ ĐÁNH GIÁ NL GQVĐ CỦA HS TRONG DH ĐỊA LÍ LỚP 10

Họ và tên HS: …….Lớp:……

Tiết:…, Ngày:……., Bài……

Hình thức hoạt động GQVĐ: ☐ Bài tập tại lớp:Làm việc theo nhóm: ☐

Tự đánh giá: (HS tự đánh dấu X vào ô mức độ năng lực đạt được)

TT	Tiêu chí thể hiện NLGQVĐ của HS	Tự đánh giá mức độ phát triển NL GQVĐ		
		Chưa đạt 0 - 4	Đạt 5 - 7	Chưa đạt 0 - 4
1	Phát hiện vấn đề			
2	Đề xuất giả thuyết cho vấn đề đặt ra			
3	Lập kế hoạch và tiến hành GQVĐ			
4	Đánh giá giải pháp và rút ra kết luận			

- *Bảng kiểm đánh giá lẫn nhau về năng lực GQVĐ*

Học sinh đánh giá lẫn nhau về NL GQVĐ khi các em cùng nhau giải quyết một vấn đề trong nhóm, hoặc trong quá trình học tập với nhau. Đó cũng chính là cơ hội để các em đánh giá năng lực GQVĐ của nhau. Giáo viên giao vấn đề cho nhóm HS cùng giải quyết. Các em hợp tác theo nhóm, trao đổi, thảo luận, tổng hợp thành sản phẩm chung của nhóm và trình bày sản phẩm để giáo viên, HS khác đánh giá. Mặt khác HS có thể quan sát việc thực hiện GQVĐ của một nhóm nào đó của HS khác qua sản phẩm GQVĐ và thái độ làm việc trong quá trình học tập để đánh giá NL GQVĐ.

BẢNG KIỂM ĐÁNH GIÁ ĐỒNG ĐẲNG VỀ NĂNG LỰC GQVĐ CỦA HS TRONG DH ĐỊA LÍ LỚP 10

Họ và tên HS đánh giá: …… Lớp:……..
Họ và tên HS được đánh giá:…….
Tiết…. Ngày …….
Bài:……☐…….. ☐
Hình thức hoạt động GQVĐ: Bài tập tại lớp: - Làm việc nhóm:
Đánh giá: (*HS đánh dấu X vào mức độ năng lực đạt được của bạn)*

Stt	Tiêu chí thể hiện NLGQVĐ của HS	Tự đánh giá mức độ phát triển NL GQVĐ		
		Chưa đạt 0 - 4	Đạt 5 - 7	Chưa đạt 0 - 4
1	Phát hiện vấn đề			
2	Đề xuất các giả thuyết cho VĐ			
3	Lập kế hoạch và tiến hành GQVĐ			
4	Đánh giá giải pháp và rút ra kết luận			

Trong DH địa lí ở THPT, việc tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng NL GQVĐ của chính bản thân các em và của bạn là một phương pháp tích cực.Việc tự đánh giá và đánh giá lẫn nhau phải kết hợp chặt chẽ với đánh giá của GV.

- *Thiết kế phiếu đánh giá sản phẩm của học sinh*

Đây là công cụ chủ yếu để đánh giá các bài kiểm tra của học sinh. Ngoài ra, trong dạy học địa lí lớp 10, GV có thể tổ chức cho các em tập dượt nghiên cứu khoa học bằng việc thực hiện các dự án nhỏ, các buổi ngoại khóa vẽ poster, triển lãm tranh… nhằm tuyên truyền, nâng cao nhận thức và thay đổi hành động và cách ứng xử với môi trường…

Ví dụ: Giáo viên có thể ra đề kiểm tra 15 phút, sau đó thu sản phẩm chính là bài làm của HS. GV chấm bài, đánh giá theo các tiêu chí về mức độ biểu hiện của NL GQVĐ của học sinh trong học tập địa lí.

Ví dụ: quan sát hình vẽ dưới:

1. Giải thích sự thay đổi về nhiệt độ, độ ẩm của 2 bên sườn núi phía Tây và phía Đông?
2. Đây là hiện tượng gì và thường xảy ra ở vùng nào của Việt Nam?
3. Ở địa phương em đang sống (Sơn La) có hiện tượng này không? Những ngày có hiện tượng này hoạt động tại địa phương em thấy thời tiết như thế nào?

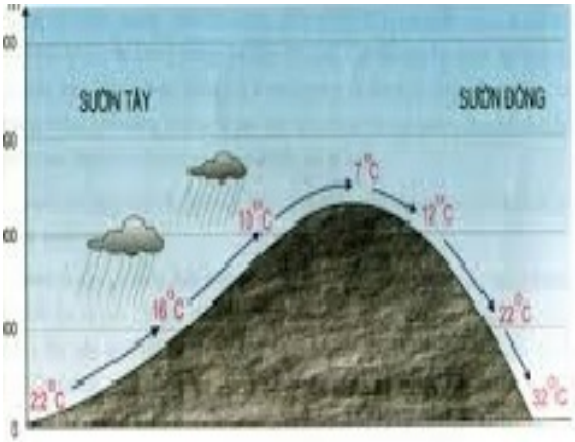

4. Em hãy giải thích hiện tượng được nhắc đến trong bài hát *Sợi nhớ, sợi thương* của nhạc sĩ Phan Huỳnh Điểu: *"Trường Sơn Đông, Trường Sơn Tây bên nắng đốt bên mưa quay"*.
5. Để hạn chế những tác động tiêu cực của hiện tượng này theo em cần có những hành động cụ thể nào?

Stt	NL thành tố	Mức độ thể hiện NL GQVĐ	Điểm
1	**Phát hiện VĐ**	- Không phát hiện được đây là hiện tượng gió Phơn và xảy ra ở vùng nào của Việt Nam. - Không xác định được Sơn La có hiện tượng gió Phơn hay không Hoặc có xác định được nhưng không miêu tả được đặc điểm thời tiết của địa phương trong những ngày có gió Phơn hoạt động.	0 - 4
		- Xác định được hiện tượng gió phơn, khẳng định được Sơn La có hiện tượng gió Phơn, xác định được thời tiết có gió phơn hoạt động rất khô và nóng, nhưng chưa xác định được các vùng thường chịu ảnh hưởng của gió phơn.	5-7
		- Xác định được hiện tượng gió Phơn, thường xảy ra ở những vùng có địa hình núi cao (Tây Bắc, Bắc Trung Bộ). - Khẳng định Sơn La có hoạt động của gió Phơn vào thời điểm từ T2 – T4 hàng năm, những ngày gió Phơn hoạt động thời tiết rất khô, nóng, độ ẩm thấp.	8-10
2	**Đề xuất giả thuyết cho vấn đề**	- Không giải thích được sự thay đổi nhiệt ẩm của 2 sườn núi phía Đông và phía T hoặc giải thích chưa chính xác.	0 - 4
		- Giải thích được sự thay đổi nhiệt ẩm của 2 sườn núi là do sự thay đổi nhiệt độ khi không khí chuyển động đi lên hoặc không khí chuyển động đi xuống nhưng chưa xác định được nguyên	5 - 7

		nhân chính.	
		- Giải thích chính xác sự thay đổi nhiệt ẩm 2 sườn núi phía Đ – T: sự thay đổi nhiệt - ẩm ở sườn T là do hiện tượng đoạn nhiệt ẩm; sự thay đổi nhiệt - ẩm ở sườn Đ là do hiện tượng đoạn nhiệt khô.	8 -10
3	**Lập kế hoạch và thực hiện giải pháp**	- Không giải thích được tại sao nhạc sĩ Phan Huỳnh Điểu lại viết "*Trường Sơn Đông, Trường Sơn Tây, bên nắng đốt, bên mưa quay*" hoặc giải thích không chính xác.	0 -4
		- Giải thích được nhưng chưa thật đầy đủ	5 - 7
		- Giải thích được: + Trường Sơn Tây: áp thấp hút gió mùa TN từ các cao nguyên phía Tây (Thái Lan, Lào, Campuchia) lên, càng lên cao nhiệt độ càng giảm, hơi nước ngưng kết thành mây và trút xuống những cơn mưa rất lớn + Trường Sơn Đông: ở sườn Tây gió đã trút hết hơi nước khi thổi sang sườn Đông dọc theo hành lang dài và hẹp của dãy Trường Sơn, gió khô, càng đi xuống nhiệt độ càng cao, càng xa độ bão hòa nên rất khô và nóng.	8-10
4.	**Đánh giá giải pháp và rút ra kết luận**	- Không nêu được các hành động cụ thể để hạn chế tác hại của gió Phơn hoặc nêu được 1 vài hành động không sát với vấn đề.	0 - 4
		- Nêu ra được các giải pháp nhưng có những giải pháp không thật sự phù hợp với địa phương	5 -7
		- Nêu đầy đủ các giải pháp, hành động cụ thể để hạn chế tác động của gió Phơn, có ý nghĩa tuyên truyền và giáo dục sâu sắc về sự phát triển bền vững.	8 - 10

3. Kết luận

Đánh giá là khâu rất quan trọng trong quá trình dạy học. Tuy nhiên, để đánh giá thực sự khách quan và mang lại hiệu quả, đáp ứng được mục đích đo lường thì giáo viên cần phải chú trọng đổi mới hoạt động này. Ngoài các bài kiểm tra viết và đánh giá bằng điểm số mang tính chất định kỳ giáo viên cũng nên kết hợp thêm các công cụ đánh giá khác và tiến hành thường xuyên trong suốt quá trình học tập của người học. Để thiết kế và sử dụng thành thạo các công cụ đánh giá năng lực ngoài sự chủ động đầu tư công sức, trí tuệ của giáo viên cần có sự quan tâm, tạo điều kiện của cán bộ quản lí để giáo viên được tham gia các lớp tập huấn về đổi mới kiểm tra, đánh giá theo định hướng phát triển năng lực. Có như vậy hoạt động kiểm tra đánh giá theo định hướng mới được triển khai rộng rãi và đem lại hiệu quả thực tế cao.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] OECD, 2003. The PISA 2003, *Assessment Framework – Mathematics, Reading, Science and Problem Solving Knowledge and Skill*, Programme for International Student Assessment.

[2] G. Polya (Hồ Thuần – Bùi Tường dịch). 2009. *Giải một bài toán như thế nào*. NXB Giáo dục.

[3] Chicago, Public Schools Bureau of Student Asessment Source: Charles, Randall, Lester, Frank and O' Daffer, Phares, 1991. *How to Evaluate Progress in Problem Solving*. Reston,

VA: National Council of teachers of Mathematocs, 1987. In Stenmark, Jean, Mathemantics Asessment: Myths, Models, Good Questions and Practical Suggestions. Reston, VA: National Council of teachers ò Mathematics.

[4] Wu, M.L, 2003). *The application of Item Response Theory to measure problem – solving proficiencies.* The University of Melbourne, Melbourne.

[5] Toh, T.L; Ques, K.S; Leong, Y.H; J.Dindyal; Tay, E.G., 2011. *Assessing Problem Solving in the Mathemantics Curriculum: A New Approach, Assessment in the Mathermantics Classroom Yearbook 2011*, Asocical of Mathemantics Educators, tr 33.

[6] ATC21S. 2010. Assessment, Reporting and Moderaion.

[7] Nguyễn Thị Lan Phương, 2014. *Đề xuất cấu trúc và chuẩn đánh giá năng lực giải quyết vấn đề trong chương trình giáo dục phổ thông mới*. Tạp chí Khoa học giáo dục. Số 111, tr.1-6.

[8] Phan Anh Tài. *Đánh giá năng lực giải quyết vấn đề của học sinh trong dạy học Toán lớp 11 THPT.* Luận án Tiến sĩ khoa học giáo dục. Trường ĐH Vinh năm 2014.

[9] Nguyễn Tuyết Nga - Nguyễn Hồng Liên.*Đánh giá năng lực giải quyết vấn đề trong môn Lịch sử và Địa lí ở tiểu học.*Tạp chí Khoa học giáo dục. Số 119. Tháng 8/2015, tr 30 – 32.

[10] Nhữ Thị Việt Hoa, 2016. *Đánh giá năng lực giải quyết vấn đề của học sinh.* Tạp chí Khoa học Đại học Sư phạm Hà Nội, số 6, tr.43 – 50.

[11] Chu Văn Tiềm, Đào Thị Việt Anh, 2017. *Biểu hiện và công cụ đánh giá năng lực giải quyết vấn đề của học sinh trong dạy học tích hợp môn Khoa học tự nhiên ở trường Trung học cơ sở*. Tạp chí Khoa học Đại học Sư phạm Hà Nội, Số 4, tr 59 – 68.

[12] Nguyễn Thị Thúy, Nguyễn Thị Sửu, Nguyễn Quốc Trung, 2016. *Sử dụng phương pháp dạy* học dự án trong dạy học hóa hữu cơ lớp 11 THPT để đánh giá NL GQVĐ cho học sinh miền núi phía Bắc. Tạp chí Khoa học ĐHSPHN, Số 61(1), tr 22- 29.

[13] OECD, 2012. *Strong performers and successful reformers in education: Lesons from PISA to Japan*, OECD Publishing.

[14] Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2014. Tài liệu hội thảo xây dựng chương trình giáo dục phổ thông theo định hướng phát triển năng lực. Hà Nội tháng 12/2014.

ABSTRACT

Description of a number of tools to assess problem solving capacity of students in grade 10 geography teaching

Dao Thi Bich Ngoc

Department of History - Geology, Tay Bac University

Testing, evaluation is an important component of the teaching process, which has a great impact on improving teaching quality. The objective, serious examination, assessment, in the right direction will be a strong motivation to promote the rise of students in learning. The article focuses on three key issues: 1. Students' problem solving capacity in geographic learning; 2. Criteria for assessing student problem solving capacity in grade 10 geographic teaching; 3. Tools for assessing the problem solving capacity of students in Geography 10 high school teaching.

Keywords: Evaluation tools, problem solving capacity, teaching grade 10 Geography.